

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN VĂN CHIỀU

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ
HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 60.14.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. HUỶNH THỊ TAM THANH**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN SỸ THU**

Phản biện 2: **TS. BÙI VIỆT PHÚ**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Giáo Dục học họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 8 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đạo đức (ĐĐ) được coi là gốc trong nhân cách của mỗi con người. Giáo dục đạo đức (GDĐĐ) học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) nhằm mục đích hình thành và hoàn thiện nhân cách cho học sinh, GDĐĐ cung cấp cho HS những tri thức cơ bản về các phẩm chất ĐĐ và chuẩn mực ĐĐ, hoàn thiện nhân cách con người. Đức và tài là hai mặt cơ bản hợp thành trong một cá nhân. GDĐĐ là một phần quan trọng không thể thiếu trong hoạt động giáo dục, như Bác Hồ đã dạy: *“Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”*.

Với lý do trên, tôi chọn đề tài nghiên cứu *“Biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở, huyện Sa Thầy tỉnh, Kon Tum”* làm đề tài Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ quản lý giáo dục, chuyên ngành Quản lý giáo dục.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các biện pháp quản lý (QL) GDĐĐ HS nhằm nâng cao chất lượng GDĐĐ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

QLGDĐĐ cho HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp QLGDDĐ cho HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu xác lập được các biện pháp QLGDDĐ phù hợp với đặc điểm tâm lý, lứa tuổi HS và đặc điểm tình hình GD của địa phương

thì GDĐĐ sẽ đạt hiệu quả cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện HS THCS trên địa bàn.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu các vấn đề lý luận về QLGDĐĐ cho HS THCS.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng QLGDĐĐ cho HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

5.3. Đề xuất biện pháp QL của Hiệu trưởng nhằm GDĐĐ cho HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết.

6.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn.

6.3. Nhóm phương pháp thống kê toán học nhằm xử lý kết quả nghiên cứu.

7. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu các biện pháp QL của Hiệu trưởng trường THCS về GDĐĐ cho HS THCS ở 10/12 trường THCS trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

8. Đóng góp của luận văn

Về mặt lý luận: Hệ thống hoá các vấn đề lý luận về QL GDĐĐ và đề xuất được các biện pháp QLGDĐĐ cho HS THCS.

Về mặt thực tiễn: Góp phần đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả QLGDĐĐ nói riêng và nâng cao chất lượng GD HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum nói chung.

9. Cấu trúc của luận văn

MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

**KẾT LUẬN KHUYẾN NGHỊ
TÀI LIỆU THAM KHẢO**

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Đạo đức xuất hiện từ buổi bình minh của lịch sử loài người. Nó là một hình thái ý thức xã hội, được phát triển song hành cùng với xã hội, đồng thời giúp xã hội loài người tiến cao hơn. Chính vì vậy đã có nhiều công trình nghiên cứu về GDĐĐ của nhiều tác giả trong và ngoài nước từ nhiều góc độ khác nhau.

Trong phạm vi luận văn thạc sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục (QLGD) đã có một số tác giả nghiên cứu về đề tài quản lý GDĐĐ cho HS, sinh viên trên một số địa bàn cụ thể:

* Đề tài “*Các biện pháp quản lý giáo dục lối sống, đạo đức cho học sinh, sinh viên ở Ký túc xá Đại học Huế*” của tác giả Nguyễn Thị Vân Yến, năm 2002;

* Đề tài “*Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trường THPT quận Cầu Giấy Hà Nội*”, của tác giả Lê Thị Thanh Bình, năm 2013.

Hiện nay chưa có tác giả nào nghiên cứu các biện pháp QLGDĐĐ cho HS THCS, bao gồm cả học sinh Dân tộc thiểu số ở địa bàn tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Sa Thầy nói riêng. Vì vậy việc lựa chọn đề tài "*Biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở huyện Sa Thầy tỉnh, Kon Tum*" là cần thiết và phù hợp với QLGDĐĐ cho HS THCS trên địa bàn nghiên cứu.

1.2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CHÍNH CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Đạo đức

ĐĐ là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, phản ánh các mối quan hệ xã hội loài người. ĐĐ được nảy sinh từ nhu cầu xã hội nhằm thống nhất lợi ích chung của toàn xã hội với lợi ích riêng của mỗi cá nhân nhằm đảm bảo trật tự xã hội, thúc đẩy cá nhân, xã hội cùng phát triển.

1.2.2. Giáo dục đạo đức

“Giáo dục đạo đức là quá trình tác động tới người học để hình thành cho họ ý thức, tình cảm và niềm tin đạo đức, đích cuối cùng quan trọng nhất là tạo lập được những thói quen hành vi đạo đức” [36, tr172].

1.2.3. Quản lý

a. Khái niệm quản lý

QL là một quá trình tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể QL lên đối tượng QL nhằm sử dụng có hiệu quả các thế mạnh của tổ chức, khắc phục các hạn chế, để đạt được mục tiêu đặt ra.

b. Chức năng quản lý

Lập kế hoạch, - Tổ chức, - Chỉ đạo, - Kiểm tra, đánh giá

c. Biện pháp quản lý

Biện pháp QL là cách thức chủ thể QL tiến hành sử dụng các công cụ QL tác động vào việc thực hiện từng khâu của chức năng

QL trong mỗi quá trình QL nhằm tạo ra sức mạnh, năng lực thực hiện mục tiêu QL.

1.2.4. Quản lý giáo dục

Quan niệm về QLGD có thể có những cách diễn đạt khác nhau, song mỗi cách định nghĩa đều đề cập tới các yếu tố cơ bản: chủ thể QLGD; khách thể QLGD, mục tiêu QLGD.

1.2.5. Quản lý nhà trường

Quản lý nhà trường là những hoạt động của chủ thể QL nhà trường (Hiệu trưởng) đến tập thể CBQL, GV, NV, tập thể HS, CMHS và các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng hiệu quả và mục tiêu GD.

1.2.6. Quản lý giáo dục đạo đức

Quản lý GDĐĐ là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ những tri thức và kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng và lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng, giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội.

1.3. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HS TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.3.1 Mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

Mục tiêu GDĐĐ: là hình thành nên những phẩm chất ĐĐ mới cho HS. Trang bị cho HS những tri thức cần thiết về chính trị, tư tưởng ĐĐ nhân văn, kiến thức pháp luật, văn hóa xã hội.

1.3.2. Nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

- Phát triển ý thức đạo đức

- *Bồi dưỡng tình cảm đạo đức*
- *Giáo dục hành vi đạo đức*
- *Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật*

1.3.3. Phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở

a. Phương pháp giáo dục đạo đức

- Phương pháp *giảng giải đạo đức* bằng con đường *quy nạp*
- Phương pháp *trò chuyện, đàm thoại về đạo đức*
- Phương pháp *thuyết phục và nêu gương*
- Phương pháp *giáo dục trong tập thể, bằng tập thể*

b. Hình thức tổ chức giáo dục đạo đức

- + Thông qua việc dạy các môn học
- + GDĐĐ thông qua các HĐGDNGLL
- + GDĐĐ bằng hình thức tự tu dưỡng, tự rèn luyện hoàn thiện

mình

1.3.4. Kiểm tra, đánh giá giáo dục đạo đức

Các tiêu chí được xây dựng dựa trên cơ sở thông tư 58/2012/TT-GBĐĐT, về đánh giá xếp loại HS THCS, Điều lệ trường trung học theo thông tư số 12/2011/TT-BGD&ĐT, Nội quy ...

1.3.5. Phương tiện, điều kiện, giáo dục đạo đức

Luật GD 2005, Điều lệ trường trung học, Quyết định số 16 về ban hành nội dung chương trình GD bậc THCS của Bộ GD&ĐT, thông tư đánh giá xếp loại HS THCS...

1.3.6. Phối hợp giáo dục đạo đức

Nhà trường cần phải có mối quan hệ rộng rãi, cần phải phối hợp chặt chẽ với các lực lượng xã hội, xây dựng môi trường GD thống nhất, lành mạnh. Trong các lực lượng phối hợp đó, sự phối hợp với gia đình có vai trò rất quan trọng.

1.4. QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HS THCS

1.4.1. Mục tiêu quản lý giáo dục đạo đức

Mục tiêu quản lý GDĐĐ trong xã hội nói chung và trong nhà trường nói riêng là hướng tới sự phát triển toàn diện nhân cách cho người học, làm cho quá trình GDĐĐ vận hành đồng bộ, hiệu quả để nâng cao chất lượng.

1.4.2. Chức năng quản lý giáo dục đạo đức

Chức năng quản lý GDĐĐ bao gồm: Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá.

a. Lập kế hoạch

Khi lập kế hoạch người Hiệu trưởng phải nắm chắc thực trạng của đơn vị, các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, thu thập thông tin, trung cầu ý kiến của CBQL, GV, BĐDCMHS, CMHS và HS.

b. Tổ chức thực hiện

Là sự sắp đặt những con người, những công việc một cách hợp lý, khoa học là sự phối hợp các tác động bộ phận để tạo ra sự tác động tích cực, thực hiện đúng tiến độ mang lại hiệu quả cao nhất.

c. Chỉ đạo

Chỉ đạo GDĐĐ cho HS là những hành động xác lập quyền chi huy và sự can thiệp của người Hiệu trưởng trong toàn bộ quá trình QLGDĐĐ cho HS, huy động mọi nguồn lực vào việc thực hiện kế hoạch và điều hành nhằm đảm bảo cho mọi hoạt động GDĐĐ diễn ra theo kế hoạch đã định, trong kỷ cương, trật tự và đạt hiệu quả cao.

d. Kiểm tra

Xác lập được mục tiêu, nội dung, phương pháp, thời gian, địa điểm, đối tượng kiểm tra, phối hợp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra.

1.4.3. Phương pháp quản lý GDĐĐ cho HS trung học cơ sở

- *Phương pháp quản lý hành chính*
- *Phương pháp thi đua, kích thích kinh tế*
- *Phương pháp tâm lý - xã hội*

1.4.4. Điều kiện đảm bảo để QLGDĐĐ cho HS THCS

- a. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên GDĐĐ cho HS THCS**
- b. Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính**
- c. Cơ chế quản lý**

1.4.5. Quản lý sự phối hợp: Bác Hồ đã dạy: “Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”.

1.5. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QLGDĐĐ CHO HS THCS

1.5.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi HS THCS nói chung và HS DTTS nói riêng: Lứa tuổi 11-15 có một vị trí đặc biệt và tầm quan trọng trong thời kỳ phát triển của trẻ em, vì nó là thời kỳ chuyển tiếp từ tuổi thơ sang tuổi trưởng thành và được phản ánh bằng những tên gọi khác nhau như: “tuổi khó bảo”, “tuổi khủng hoảng”...

1.5.2. Môi trường gia đình, nhà trường, xã hội: Từ thực tiễn GDĐĐ HS cho ta thấy mỗi tổ chức gia đình, nhà trường, xã hội đều có một vai trò, vị trí hết sức quan trọng, vì vậy muốn thực hiện tốt việc GDĐĐ HS, gia đình, nhà trường và xã hội cần phối hợp với nhau chặt chẽ, đồng bộ, nhất quán.

1.5.3. Yếu tố tự giáo dục của học sinh: Để biến quá trình GD thành quá trình tự GD cần phải chú trọng phát triển đặc điểm tự ý thức tự GD của lứa tuổi HS THCS.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Đạo đức là một hình thái xã hội, có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong đời sống xã hội loài người. Đạo đức là gốc của nhân cách. Là một trong hai mặt hợp thành nhân cách của mỗi con người. Thông qua quá trình giáo dục, học tập và rèn luyện mà trong đó nhà trường luôn đóng vai trò quan trọng.

Muốn thực hiện đạt hiệu quả QLGDĐĐ cho HS THCS đòi hỏi mỗi CBQL, GV và những người tham gia GDĐĐ phải có nhận thức sâu sắc, nắm vững mục tiêu, nội dung, phương pháp, các điều kiện GDĐĐ cho HS, năng nổ, nhiệt tình gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động, là “tấm gương sáng để học sinh noi theo”, vận dụng các phương pháp phù hợp với tâm lý lứa tuổi HS, điều kiện hoàn cảnh thực tế của từng đối tượng HS. Quản lý GDĐĐ cho HS có tầm quan trọng đặc biệt và ảnh hưởng lớn đến chất lượng GDĐĐ.

Để có cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý GDĐĐ cho HS, người Hiệu trưởng cần phải tâm huyết, phải luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm trước mỗi cá nhân tập thể, gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động của tập thể, biết khơi dậy tiềm năng tập thể, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tôn trọng và phát huy dân chủ trong tập thể, biết lắng nghe, chất lọc ý kiến của cá nhân, tập thể, tăng cường học tập, nghiên cứu, nắm vững lý luận, khảo sát đánh giá đúng thực trạng quản lý GDĐĐ trong nhà trường.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN SA THẦY,
TỈNH KON TUM

2.1. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

** Về vị trí địa lý; Văn hóa xã hội; Về GD&ĐT; Về kinh tế*

2.2. MÔ TẢ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

2.2.1. Mục đích khảo sát: Nhằm chắc thực trạng về đạo đức HS THCS, giáo dục đạo đức HS THCS, quản lý GDĐĐ HS THCS, đề ra các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2.2.2. Nội dung khảo sát: Đạo đức HS THCS, GDĐĐ HSTHCS, QLGDĐĐ HS THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2.2.3. Phương pháp khảo sát: Phiếu hỏi, phỏng vấn, nghiên cứu hồ sơ.

2.2.4. Đối tượng khảo sát: Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, TPT Đội, Bí thư chi đoàn, GV, GVCN và HS THCS trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2.2.5. Tổ chức thực hiện: Khảo sát 10/12 trường THCS trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; thời gian khảo sát từ 15 tháng 11 đến 30 tháng 12 năm 2013.

2.3. THỰC TRẠNG ĐẠO ĐỨC, GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

2.3.1. Thực trạng đạo đức học sinh trung học cơ sở huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Bảng 2.1. Kết quả rèn luyện đạo đức của HS THCS

Năm học	Tổng số HS	Xếp loại hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	
2011-2012	27	16	60.	76	28.	29	10.	13	0.5
	18	44	5	5	3	6	7		
2012-2013	26	16	60.	76	28.	29	10.	11	0.4
	86	21	4	3	4	1	8		
2013-2014	28	16	59.	85	30.	27	9.8	19	0.7
	00	53	0	4	5	4			
Tổng cộng	8204	4918	59.9	2382	29.0	861	10.5	43	0.6

(Nguồn: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum)

Bảng 2.2. Nhận thức của học sinh trung học cơ sở

Bảng 2.3. Nội dung vi phạm đạo đức của HSTHCS

Bảng 2.4. Nguyên nhân dẫn đến học sinh vi phạm đức của THCS

Bảng 2.5. Nhân tố ảnh hưởng, tác động đến quá trình rèn luyện đạo đức của học sinh trung học cơ sở

2.3.2. Thực trạng giáo dục đạo đức học sinh trung học cơ sở huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Bảng 2.6. Nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

Bảng 2.7. Hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

Bảng 2.8. Biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

2.4. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GDĐĐ CHO HS THCS

2.4.1. Lập kế hoạch

Bảng 2.9. Lập kế hoạch QLGDĐĐ cho HS THCS

2.4.2. Tổ chức

Bảng: 2.10. Tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

2.4.3. Chỉ đạo

Bảng 2.11. Việc chỉ đạo thực hiện GDĐĐ cho HS THCS

2.4.4. Kiểm tra, đánh giá

Bảng: 2.12. Kiểm tra, đánh giá GDĐĐ cho HS THCS

2.5. THỰC TRẠNG PHỐI HỢP QLGDĐĐ CHO HS THCS

Bảng 2.13. Phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường với các lực lượng ngoài nhà trường giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở

2.6. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG QLGDĐĐ CHO HS THCS TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

2.6.1. Ưu điểm

Phần lớn CBQL, GV và HS đã có nhận thức đúng về vai trò, vị trí của ĐĐ trong xã hội, coi ĐĐ và tài năng ngang nhau. Từ đó họ đã xác định được vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm và tầm quan trọng của mình trong việc GDĐĐ cho HS.

2.6.2. Hạn chế

Việc lập kế hoạch GDĐĐ HS, riêng cho năm học, tháng, tuần chưa được CBQL, GVCN và các đoàn thể ở các trường thực hiện, mà chỉ mới lồng ghép vào kế hoạch chung. Vì vậy việc xác định mục tiêu, nội dung, hình thức phương pháp GDĐĐ cho HS còn mờ nhạt, chưa phù hợp với mục tiêu GD, nội dung, hình thức, phương pháp còn chung chung, thiếu sinh động, hấp dẫn để thu hút học sinh.

2.6.3. Nguyên nhân

Công tác kiểm tra, chỉ đạo về QLGDĐĐ cho HS của cấp trên đối với các trường chưa mạnh, chưa thường xuyên, dẫn đến việc thực hiện chức năng QLGDĐĐ cho HS ở một số trường kém hiệu quả.

Việc lựa chọn đội ngũ GVCN chưa được các trường chú trọng. Mặt khác do đặc thù về cơ cấu đội ngũ giáo viên ở từng trường, đội ngũ giáo viên số lượng ít, năng lực giáo viên chưa đồng đều, nên việc lựa chọn GVCN còn gặp nhiều khó khăn.

Các trường chưa xây dựng được quy chế phối hợp, tham mưu cho Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân chỉ đạo các ban ngành đoàn thể phối hợp với nhà trường cùng GDĐĐ cho học sinh.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Nhiệm vụ GDĐĐ cho HS THCS trong những năm qua trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum đã có những chuyển biến tích cực, phần lớn HS có ý thức rèn luyện ĐĐ, chăm chỉ học tập, đã có không ít những học sinh đạt thành tích cao trong học tập mang nhiều vinh quang về cho nhà trường và ngành giáo dục huyện nhà. Song bên cạnh những học sinh xuất sắc cả về đức lẫn tài, vẫn còn một số HS ý thức tự rèn luyện chưa tốt, sống buông thả, thường xuyên vi phạm nội quy nhà trường, vi phạm pháp luật. Nguyên nhân cơ bản là vẫn còn một bộ phận trong lực lượng giáo viên còn coi nhẹ việc quản lý GDĐĐ cho HS. Một số bậc CMHS chưa quan tâm đến giáo dục con em mình, có lối sống thiếu mẫu mực, không làm gương cho con cái noi theo, do đó việc phối hợp các lực lượng xã hội GDĐĐ cho HS của các trường còn bị hạn chế. Bên cạnh đó, các biện pháp QLGDĐĐ chưa thiết thực, nội dung, hình thức tổ chức chưa thật sự hấp dẫn. Nghiệp vụ tổ chức QLGDĐĐ của một số bộ phận trong lực lượng giáo dục chưa cao, chưa có chiều sâu. Công tác kiểm tra, đánh

giá hoạt động GDĐĐ HS của Hiệu trưởng ở một số trường chưa được thực hiện tốt, chưa tiến hành thường xuyên, chưa đi vào chiều sâu.

Để khắc phục thực trạng trên đòi hỏi đội ngũ CBQL các trường phải tìm ra các biện pháp phù hợp, xác định được nội dung cần QL, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các phương pháp quản lý, xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường, từng địa phương nhằm giảm dần tỷ lệ HS yếu về đạo đức, nâng cao chất lượng GD, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD. Đó là những nội dung sẽ được làm rõ trong chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC CHO SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

3.1. CÁC CĂN CỨ XÁC LẬP BIỆN PHÁP

3.1.1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết Số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo, khẳng định “Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống...”. “Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề...”. “Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” [15,tr 2,4].

Như vậy, nâng cao chất lượng GDĐĐ HS đang là vấn đề cấp thiết trong hoạt động giáo dục của toàn ngành nói chung và các trường THCS nói riêng.

3.1.2. Cơ sở lý luận

Giáo dục là một hiện tượng xã hội, là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, ảnh hưởng tự giác, chủ động đến con người, dẫn đến sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách. GD giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển nhân cách. Như vậy, hoạt động GD không đơn thuần chỉ là truyền thụ kiến thức, mà là quá trình gồm nhiều bộ phận: GDĐĐ; GD trí tuệ; GD thể chất; GD thẩm mỹ; GD lao động, hướng nghiệp. Trong đó GDĐĐ được xem là nền tảng, gốc rễ tạo ra nội lực tiềm tàng vững chắc cho các mặt GD khác.

3.1.3. Cơ sở thực tiễn

Với đặc điểm của lứa tuổi từ 11 đến 15 tuổi ở bậc THCS, đây là giai đoạn phát triển thay đổi rất mạnh mẽ cả về thể chất lẫn tâm lý của các em. Các em luôn hiếu động, hay bắt chước, muốn tự khẳng định mình... Chính vì vậy mà các em không muốn bị gia đình ràng buộc, dễ có những nhận thức lệch lạc, dẫn đến vi phạm nội quy.

3.2. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

3.2.1. Nâng cao nhận thức cho cha mẹ học sinh và học sinh

a. Mục đích: Giúp CMHS và HS xác định được tầm quan trọng của đạo đức, nêu cao tinh thần, trách nhiệm, coi GDĐĐ HS là nhiệm vụ của mỗi gia đình và HS.

b. Nội dung, cách thức thực hiện

* *Đối với HS:* Tuyên truyền, phổ biến cho các em về những nội dung ĐĐ cơ bản, các quan niệm về ĐĐ, vai trò, vị trí của ĐĐ trong cấu trúc nhân cách thông qua sinh hoạt chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, HDDNGLL, sinh hoạt ngoại khoá

* *Đối với CMHS:* Tổ chức Hội nghị CMHS hàng năm ít nhất hai lần/năm vào đầu năm và giữa kỳ, đặc biệt là chuẩn bị tốt Hội nghị CMHS đầu năm học, để CMHS được nghe, được thảo luận, bàn bạc phát biểu giúp họ nắm được nhiệm vụ của mình. Từ đó họ có nhận thức đúng, xác định trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với con cái, phối hợp với nhà trường làm tốt GDĐĐ cho HS.

3.2.2. Lập kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở

a. Mục đích: Nhằm triển khai hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh theo một quy trình khoa học, chặt chẽ và logic, mang lại hiệu quả cao nhất.

b. Nội dung, cách thức thực hiện: Nắm chắc thực trạng, từ đó thấy được những ưu điểm, hạn chế, những yếu tố khách quan và chủ quan tác động ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường. Trên cơ sở lấy ý kiến của hội đồng sư phạm, BĐDCMHS, CMHS, HS tiến hành lập kế hoạch tổng thể và hoàn chỉnh kế hoạch. Nội dung kế hoạch phải đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu GDĐĐ với mục tiêu GD; kết hợp chặt chẽ, hữu cơ với kế hoạch dạy học, HĐNGLL; lựa chọn nội dung, hình thức hoạt động đa dạng, thiết thực, phù hợp với hoạt động tâm sinh lý lứa tuổi HSTHCS mang lại kết quả GD cao nhất.

3.2.3. Tổ chức giáo dục đạo đức cho HS trung học cơ sở

a. Mục đích: Làm cho mọi người hiểu được mục tiêu, nội dung, hình thức, biện pháp yêu cầu GDĐĐ; sắp xếp bố trí nhân sự, phân công trách nhiệm QL phù hợp với năng lực đội ngũ, huy động cơ sở vật chất, tài chính; xác định rõ tiến trình, tiến độ thực hiện, thời gian bắt đầu, thời hạn kết thúc, nhằm thực hiện đạt hiệu quả việc triển khai kế hoạch GDĐĐ cho HS.

b. Nội dung, cách thức thực hiện: Triển khai sâu rộng trong đội ngũ CBQL, GV, HS và CMHS để mọi người nắm chắc. Trong quá trình triển khai kế hoạch hiệu trưởng phải phân tích rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, biện pháp, hướng đi, lựa chọn đội ngũ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, lựa chọn hoạt động tổ chức thực hiện.

3.2.4. Chỉ đạo giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

a. Mục đích: Nhằm đảm bảo tiến độ các hoạt động giáo dục thường xuyên liên tục đã được xác định trong kế hoạch, chỉ đạo tốt việc thực hiện kế hoạch đã triển khai, theo dõi đôn đốc các thành viên, thực hiện đúng nhiệm vụ, nội dung, thời gian, tiến độ kế hoạch mang lại hiệu quả cao nhất.

b. Nội dung, cách thức thực hiện

*** Đối với GVCN:** Tìm hiểu và nắm vững hoàn cảnh, đặc điểm của từng HS, nhất là những HS cá biệt và học sinh DTTS

Thực hiện nghiêm túc các bước của tiết sinh hoạt lớp, các bước giáo dục học sinh cá biệt, học sinh DTTS...

* *Đối với GVBM:* Thực hiện kế hoạch GDĐĐ thông qua việc giảng dạy, tích hợp GDĐĐ đồng bộ ở tất cả các môn học, nhất là các môn GDCD, nội dung GDĐĐ phải được thể hiện trong mục tiêu bài dạy.

* *Đối với Tổng phụ trách đội, Đoàn TN:* Đổi mới sinh hoạt tiết chào cờ đầu tuần, chỉ đạo tốt đội tự quản hoạt động, phối hợp với GV tổ chức tốt các HĐGDNGLL, HĐ ngoại khoá.

* *Đối với Phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn*

* *Đối với Hiệu trưởng*

3.2.5. Tăng cường và đổi mới kiểm tra, đánh giá, công tác thi đua giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở

a. Mục đích: Nhằm đánh giá việc thực hiện các mục tiêu QLGDDĐ cho HS đã đặt ra trong kế hoạch, tiến độ thực hiện, hiệu quả, khó khăn vướng mắc, điều chỉnh các hoạt động QL, đạt được mục tiêu đề ra.

b. Nội dung, cách thức thực hiện

Quá trình kiểm tra: Phải thực hiện thường xuyên, liên tục theo định kỳ hay đột xuất, qua nhiều kênh thông tin

Quá trình đánh giá: Là một quá trình “nghiêm túc, trung thực, chính xác, khoa học”.

Quá trình xử lý: Thực hiện đúng nội dung theo Điều lệ trường trung học và Thông tư 58/2011 của Bộ GD&ĐT.

3.2.6. Xây dựng và phát huy vai trò tự quản của học sinh

a. Mục đích: Hình thành thói quen tự quản cho tập thể, cá nhân HS trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động, nhằm biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục.

b. Nội dung, cách thức thực hiện: Hoàn thiện tổ chức lớp: bầu BCSL, phân công lớp thành các tổ chức hợp lý theo địa bàn dân cư, GVCN phải chọn ra được BCSL có năng lực, uy tín, kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể, tận tình định hướng, giúp đỡ các em...

3.2.7. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội GDĐĐ HS

a. Mục đích: Nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ về quan điểm GDĐĐ HS giữa nhà trường, gia đình và xã hội, trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp, khai thác tiềm năng to lớn của các lực lượng xã hội trong QLGDĐĐ

b. Nội dung, cách thức thực hiện: Hiệu trưởng xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình với các ban ngành đoàn thể chính quyền địa phương, tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền có văn bản chỉ đạo công tác phối hợp về công tác GDĐĐ cho HS.

* Phối hợp giữa nhà trường và gia đình

- Đối với gia đình:

- Đối với nhà trường:

- Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh:

* Phối hợp giữa nhà trường và xã hội

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP

Biện pháp QL là một hệ thống phong phú, đa dạng. Mỗi biện pháp có ưu thế riêng nhưng lại có nhược điểm riêng. Chính vì vậy, trong quá trình thực hiện các nhà quản lý phải căn cứ vào điều kiện

thực tế, tình huống sư phạm, con người, hoàn cảnh cụ thể mà lựa chọn các biện pháp thích hợp để giải quyết tốt các vấn đề.

Như vậy, các biện pháp QLGDĐĐ có mối quan hệ chặt chẽ, vừa là tiền đề, vừa hỗ trợ thúc đẩy lẫn nhau. Vì vậy, các trường cần phải triển khai thực hiện các biện pháp một cách đồng bộ, nhất quán mới đạt chất lượng cao trong QLGDĐĐ cho HS THCS.

3.4. KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP

Để khẳng định tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp, tôi đã tham khảo ý kiến và khảo sát thực tế của 63 CBQL, TTCM, BTCĐ, TPT Đội, 210 GV, 10/12 trường THCS và cán bộ Phòng GD&ĐT huyện Sa Thầy. Kết quả thu được như sau:

Bảng 3.1. Khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp

TT	Các biện pháp	Tính cấp thiết				Tính khả thi			
		Rất cấp thiết, tỷ lệ %	Cấp thiết, tỷ lệ %	Ít cấp thiết, tỷ lệ %	Không cấp thiết, tỷ lệ %	Rất khả thi, tỷ lệ %	Khả thi, tỷ lệ %	Ít khả thi, tỷ lệ %	Không khả thi, tỷ lệ %
1	Nâng cao nhận thức cho CMHS và HS	67.5	32.5	0	0	50.5	49.5	0	0
2	Lập kế hoạch quản lý GDĐĐ HS THCS	52.3	47.7	0	0	33.9	66.1	0	0
3	Tổ chức GDĐĐ HS THCS	51.0	49.0	0	0	31.3	68.7	0	
4	Chỉ đạo GDĐĐ	58.8	41.2	0	0	39.7	58.1	2.2	0

	thông qua tổ GVCN, TPTĐ, GVBM								
5	Tăng cường kiểm tra, đánh giá QLGDĐĐ HS	64.2	35.8	0	0	58.5	36.5	5.0	0
6	Xây dựng và phát huy vai trò tự quản của HS	47.5	48.7	3.8	0	41.9	52.8	5.3	0
7	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội GDĐĐ HS	34.1	61.1	4.8	0	16.9	74.2	8.9	0

Từ kết quả khảo sát trên cho ta thấy, tất cả các biện pháp đều được hầu hết CBQL và GV đánh giá là cần thiết và khả thi. Trong đó biện pháp nâng cao nhận thức cho CMHS và HS được đánh giá cao nhất, sau đó đến các biện pháp kiểm tra đánh giá, xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện. Những biện pháp còn lại tuy tỷ lệ % thấp hơn, nhưng cũng được đánh giá là rất cần thiết và có hiệu quả. Vì vậy, các trường THCS trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum có thể áp dụng các biện pháp nói trên vào việc QLGDĐĐ cho HS, góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện cho các trường.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn, dựa trên các nguyên tắc xác lập các biện pháp, từ tình hình thực tế QLGDĐĐ của Hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, luận văn đề xuất 7 biện pháp quản lý.

Liên quan đến các vấn đề đặt ra cần giải quyết đó là: Cần phải nâng cao nhận thức cho CMHS và HS. Việc nhận thức đúng hay sai

sẽ quyết định đến sự thành công hay thất bại của GDĐĐ. Do vậy, việc nâng cao nhận thức về GDĐĐ là một trong những yếu tố quyết định chất lượng GDĐĐ. Song song với nâng cao nhận thức, việc thực hiện chức năng QL để GDĐĐ cho HS là một trong những biện pháp quan trọng; lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá là khâu không thể thiếu trong quá trình QLGD nói chung và QLGDĐ HS THCS nói riêng. Thực hiện đúng chức năng quản lý sẽ làm cho quá trình QLGDĐ đi đúng hướng, thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, tiến độ thực hiện mang lại hiệu quả theo mong muốn của các trường.

Các biện pháp còn lại: biện pháp “Xây dựng và phát huy vai trò tự quản của học sinh”; “phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường, gia đình, xã hội”, cũng là những biện pháp có vai trò quan trọng, không thể thiếu, hỗ trợ đắc lực trong QLGDĐ cho HS. Vì vậy, khi áp dụng các trường THCS cần khai thác triệt để và đồng bộ các biện pháp GD này.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã dạy: “Dạy cũng như học phải chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc”, “có tài mà không có đức là người vô dụng”.

Từ lời dạy của Bác Hồ cho thấy ĐĐ có một vai trò, vị trí hết sức quan trọng đối với mỗi con người và xã hội. Vì vậy, trong quá trình dạy và học phải chú ý đến cả đức lẫn tài.

Từ những lý luận đối chiếu với thực trạng chúng ta thấy, việc QLGDĐĐ cho HS của các trường THCS trên địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum trong những năm qua đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, đã có nhiều HS đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện, tình trạng bạo lực học đường, học sinh vi phạm pháp luật, vi phạm ĐĐ giảm dần. Song, việc QLGDĐĐ cho HS hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập: nhận thức về GDĐĐ của một bộ phận CMHS và HS chưa rõ ràng; nội dung GD của các Nhà trường còn chậm đổi mới, nặng về đánh giá cho điểm, thiếu sự hấp dẫn; việc thực hiện các chức năng QL chưa được chú trọng, đặc biệt là việc lập kế hoạch GDĐĐ cho HS; các trường chưa quan tâm đến vai trò tự quản của học sinh; công tác phối hợp với các lực lượng để GDĐĐ cho HS trong và ngoài nhà trường chưa chặt chẽ, chưa có sự ràng buộc; việc kiểm tra đôn đốc chưa thường xuyên. Vì vậy, kết quả GDĐĐ cho HS đạt chưa cao.

Để giải quyết những bất cập hạn chế trên cần phải có các biện pháp để thực hiện. Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đề xuất 7 biện pháp QLGDĐĐ cho HS THCS của Hiệu trưởng các trường THCS huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Các biện pháp đã được tiến hành khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi. Kết quả,

đa số cho rằng 7 biện pháp đều có tính cấp thiết và tính khả thi. Hy vọng rằng, các biện pháp trên sẽ giúp ích cho Hiệu trưởng các trường THCS trong việc QLGDĐĐ cho HS và hoàn thành việc thực hiện mục tiêu giáo dục, trong quá trình giáo dục hình thành nhân cách tốt đẹp cho HS, góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực, đào tạo những con người phát triển toàn diện, làm nguồn nhân lực chính, thúc đẩy sự phát triển của địa phương và đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Khuyến nghị

- 2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo*
- 2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo*
- 2.3. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo*
- 2.4. Đối với các cấp chính quyền*
- 2.5. Đối với các trường trung học cơ sở*
- 2.6. Đối với ban đại diện cha mẹ học sinh và CMHS.*